

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ  
THỊNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/LĐ-ST  
Ngày: 24/9/2025  
V/v: “Tranh chấp quyền, lợi ích  
liên quan đến tiền lương”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

**- THính phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đ Thị Ngọc Trân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Màu – Nguyên Trưởng Phòng Tư pháp tHnh phố Sóc Trăng.

Bà Trần Thị Thùy Trang – Nguyên Phó Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội tHnh phố Sóc Trăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Anh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 33/2024/TLST-LĐ ngày 18 ngày 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-LĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:**

- Ông Lê Tấn Ch, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Phương H 3, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh S (Nay là ấp Phương H 3, xã Long H, thành phố C);

- Ông Phạm Vũ C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, xã Châu K, huyện Long P, tỉnh S (Nay là ấp T, xã Tân T, thành phố C);

- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nH 286, đường N, Phường 7, tHnh phố S, tỉnh S (Nay là số nH 286 N, phường S, thành phố C);

- Bà Nguyễn Thái Ngọc H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà X, đường 30/4, Phường 2, thành phố S, tỉnh S (Nay là số nhà X, đường 30 tháng 4, phường Phú Lợi, thành phố C);

- Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Long P, tỉnh S (Nay là ấp Tân H, xã Tân T, thành phố C).

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trần Quang Tr, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 118, ấp Đ, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh S (Nay là số 118 ấp Đay S, xã Gia H, thành phố C) (*Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

\* *Bị đơn*: Công ty cổ phần mía đường S; Địa chỉ: Số Y đường Phạm H, phường 8, thành phố Sóc T, tỉnh S (Nay là số Y Phạm H, phường S, thành phố C).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978.

- Ông Đào Minh C, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số nhà Z, đường Phạm H, phường 8, thành phố S, tỉnh S (Nay là số Z Phạm H, phường S, thành phố C) (*Ông H và ông C có mặt tại phiên tòa*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2024 của các nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Các ông bà Lê Tấn Ch, Phạm Vũ C, Bùi Văn C, Nguyễn Thái Ngọc H và Hồ Văn Đ là người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Mía đường S.

Ngày 30/9/2016, Công ty và Công đoàn cơ sở Công ty có ký Thỏa ước lao động tập thể với thỏa thuận tại Điều 5 của Thỏa ước Lao động tập thể “Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông Hng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty”. Đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ 2017-2018 là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Theo Điều 2 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 ngày 27/12/2017 có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định: “Quỹ tiền lương gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nên thu nhập của người lao động có thể thay đổi theo từng tháng hoặc kỳ sản xuất dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng Giám đốc giao cho từng đơn vị hoặc cá nhân” và theo các hợp đồng lao động đã ký kết thì công ty trả lương cho công nhân theo sản phẩm, từ đó tiền lương phụ thuộc vào sản lượng đường làm ra.

Vụ sản xuất 2016 - 2017, Công ty còn thừa quỹ lương là 715.002.892 đồng (Bảy trăm mười lăm triệu, không trăm lẻ hai nghìn, tám trăm Cn mươi hai đồng). Kết thúc mùa vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018), Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho và đơn giá tiền lương mỗi tấn là 800.000 đồng (45.538,45 tấn x 800.000 đồng) nên Quỹ lương trong vụ năm 2017-2018 là

36.430.760.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong vụ năm 2017-2018, Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động là 24.520.252.317 đồng, chi thưởng là 3.005.918.800 đồng nên Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 9.619.591.775 đồng (Trong đó quỹ lương vụ năm 2016 – 2017 chuyển sang là 715.002.892 đồng). Tuy nhiên, Công ty không chi trả cho người lao động mà Hội đồng quản trị Công ty lại ban Hành Nghị quyết số 05 ngày 04/01/2019 để hoàn nhập số tiền này giảm lỗ cho vụ mùa 2018-2019. Sau đó, tiếp tục ban Hành Nghị quyết số 45 ngày 15/5/2019 để bổ sung số tiền trên vào quỹ lương của vụ 2018 -2019.

Việc sử dụng quỹ lương như trên là trái với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương. Theo đơn khởi kiện thì các nguyên đơn yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần mía đường S chi trả quỹ lương còn thừa là 8.904.588.883 đồng của vụ sản xuất 2017 – 2018 cho các nguyên đơn, gồm có 05 người theo tỷ lệ mức lương của từng người được hưởng tại thời điểm tháng 6/2018. Cách tính như sau: Tổng quỹ tiền lương thừa 8.904.588.883 đồng: (chia) cho tổng số tiền lương phải trả cho người lao động trong 01 tháng (Tháng 6/2018 là 1.547.373.212 đồng) sẽ ra số tháng lương của mỗi lao động được hưởng là 5,75 tháng. Và số tiền công ty phải trả cho mỗi lao động là số tháng lương mỗi lao động được hưởng là 5,75 tháng x (nhân) với tiền lương của mỗi lao động được hưởng vào thời điểm tháng 6 năm 2018.

Theo đơn khởi kiện thì các nguyên đơn trình bày: Thời điểm tháng 6 năm 2018, lương của các nguyên đơn như sau: Ông Lê Tấn Ch là 4.073.594 đồng, ông Phạm Vũ C là 4.370.497 đồng, ông Bùi Văn C là 5.266.165 đồng, bà Nguyễn Thái Ngọc H là 4.203.948 đồng, ông Hồ Văn Đ là 6.949.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Do thời điểm khởi kiện, các nguyên đơn chưa có Bảng lương nên trình bày tiền lương của mỗi người chưa Cnh xác. Nay ông Tr xác định lại lương của mỗi người tại thời điểm tháng 6 năm 2018, lương của các nguyên đơn bao gồm lương Cnh và phụ cấp, cụ thể như sau: Ông Lê Tấn Ch là 4.217.231 đồng, ông Phạm Vũ C là 4.117.000 đồng, ông Bùi Văn C là 4.990.000 đồng, bà Nguyễn Thái Ngọc H là 4.127.000 đồng, ông Hồ Văn Đ là 7.480.000 đồng.

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần mía đường S chi trả quỹ lương còn thừa của vụ sản xuất 2017 -2018 cho các nguyên đơn như sau:

- Ông Lê Tấn Ch:  $4.217.231 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 24.249.078 \text{ đồng};$
- Ông Phạm Vũ C:  $4.117.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 23.672.750 \text{ đồng};$
- Ông Bùi Văn C:  $4.990.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 28.692.500 \text{ đồng};$
- Bà Nguyễn Thái Ngọc H:  $[(4.127.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng}): 12 \text{ tháng}] \times 9 \text{ tháng} = 17.797.688 \text{ đồng}.$

(Do bà H trong giai đoạn từ tháng 7/2017- tháng 6/2018 thì bà H chỉ lao động có 9 tháng. Bà H nghỉ chờ việc từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017).

- Ông Hồ Văn Đ:  $7.480.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 43.010.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền các nguyên đơn yêu cầu là 137.422.016 đồng.

- *Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S là ông Nguyễn Thanh H và ông Đào Minh C thống nhất trình bày:*

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần mía đường S thanh toán số tiền còn lại của Quỹ lương mùa vụ 2017 – 2018 (tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018). Vụ việc xảy ra từ tháng 6/2018 nhưng đến ngày 17/7/2024, các nguyên đơn mới có đơn khởi kiện gửi cho Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì thời hiệu để các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đến nay đã hết. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung yêu cầu của các nguyên đơn, Công ty có ý kiến sau:

Ông Ch, ông C, ông C, bà H và ông Đ là người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Mía đường S. Theo đó, ông Ch, ông C, ông C và ông Đ là người lao động làm trong vụ sản xuất 2017-2018 và làm việc đủ 12 tháng. Bà H làm việc 9 tháng (không làm từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017 do nghỉ chờ việc). Theo Điều 25 của Quy chế tiền lương ban hành kèm theo Quyết định 161/QĐ-TGD.2009 ngày 31/8/2009 và Điều 10.3 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban Hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017, Công ty nhận thấy rằng không có bất kỳ cơ sở, nội dung nào thể hiện Công ty buộc phải thanh toán cho người lao động phần tiền còn lại của Quỹ lương vụ sản xuất năm 2017-2018 là 8.904.588.883 đồng trong thời gian của vụ sản xuất đó. Cụ thể là: Căn cứ Điều 5 Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016: “Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông Hng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của công ty”.

Căn cứ Điều 10.3 Quy chế lương năm 2017 quy định: Trường hợp phát sinh tiền thừa của quỹ lương, “Tổng Giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, bao gồm quy định tại Điều 10.3 và các điều khoản khác của Quy chế, không có bất kỳ nội dung nào cho rằng: Công ty buộc phải thanh toán hết phần tiền còn lại của Quỹ lương cho người lao động trong vụ sản xuất tương ứng.

Thực tế, tính từ thời điểm thành lập Công ty ngày 02/02/1996 theo Quyết định số 43/QĐ.TCCB.96 cho đến nay, Công ty luôn quán triệt và sử dụng Quỹ lương theo bản chất là một nguồn tiền để hỗ trợ Công ty cân đối dòng tiền nhằm mục đích chi lương, chi thưởng, phụ cấp, trợ cấp và chi phí khác cho người lao động như được quy định theo Điều 10.2 Quy chế tiền lương 2017 mà không phải là khoản tiền lương để buộc chi hết cho toàn thể người lao động cuối bất kỳ vụ sản xuất cụ thể nào.

Bên cạnh đó, các nguyên đơn buộc Công ty phải trả tiền cho nguyên đơn thì các khoản tiền này sẽ được xác định là khoản tiền nào theo Quy chế lương và hệ số để tính lương là như thế nào. Vì, nếu xét tính chất tiền lương, các khoản tiền này không có tính chất tiền lương vì vượt quá hạn mức tiền lương được Công ty thỏa

thuận với người lao động tại Hợp đồng lao động. Đồng thời, mỗi nguyên đơn có thời gian tham gia quan hệ lao động tại Công ty khác nhau nên hệ số tính lương sẽ áp dụng không như nhau. Điều quan trọng nhất Cnh là Công ty đã trả lương đầy đủ, đúng hạn cho người lao động tương ứng với thời gian làm việc của mỗi người.

Nếu xét tính chất tiền thưởng, trong vụ 2017 – 2018, Công ty đã chi thưởng cho người lao động với mức thưởng lên đến 2 tháng tiền lương. Và đến nay, Công ty chưa từng có quyết định hoặc Cnh sách nào nhằm tuyên bố rằng Công ty sẽ tiếp tục chi thưởng từ khoản tiền của Quỹ lương. Do vậy, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thái Ngọc H là tự nguyện không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ch, ông C, ông C, bà H và ông Đ; Buộc Công ty Cổ phần Mía đường S phải thanh toán tiền lương theo sản phẩm của vụ sản xuất 2017-2018 còn lại chưa thanh toán cho các nguyên đơn. Cụ thể:

- Ông Lê Tấn Ch:  $4.217.231 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 24.249.078 \text{ đồng};$
- Ông Phạm Vũ C:  $4.117.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 23.672.750 \text{ đồng};$
- Ông Bùi Văn C:  $4.990.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 28.692.500 \text{ đồng};$
- Bà Nguyễn Thái Ngọc H:  $[(4.127.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng}): 12 \text{ tháng}] \times 9 \text{ tháng} = 17.797.688 \text{ đồng}.$
- Ông Hồ Văn Đ:  $7.480.000 \text{ đồng} \times 5,75 \text{ tháng} = 43.010.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền các nguyên đơn yêu cầu là 137.422.016 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về tố tụng:**

[1]. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương của vụ sản xuất 2017-2018, bị đơn có trụ sở tại phường

S, thành phố C nên đây là tranh chấp về lao động, quan hệ tranh chấp giải quyết là “Tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Tranh chấp trên đã được hòa giải viên lao động hòa giải nhưng không thành nên việc Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 187 và 188 Bộ luật lao động năm 2019.

[3]. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tr là người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thái Ngọc H. Theo đơn kiện bà H yêu cầu bị đơn chi trả do làm việc đủ 12 tháng với số tiền là 24.172.701 đồng. Ông Tr xin thay đổi yêu cầu khởi kiện do bà H làm việc có 09 tháng với số tiền là 17.797.688 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Toà án chấp nhận.

[4]. Về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp:

Sự việc tranh chấp phát sinh từ khi kết thúc vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) giữa Công ty cổ phần mía đường S với người lao động làm việc tại mùa vụ 2017-2018. Theo đó, vào năm 2019 Công ty bị 11 vụ kiện của 90 lao động đã nghỉ việc ở Công ty nên vào ngày 10/9/2020, Công ty ban Hành Thông báo số 37/TB-ĐST/2020 và niêm yết công khai tại Công ty cho người lao động biết. Theo Thông báo trên, phía bị đơn Công ty cổ phần mía đường S thừa nhận rằng “... Sau khi có bản án của Tòa án cấp cao nhất của vụ kiện cuối cùng được đưa ra xét xử, nếu phán quyết của tòa buộc Công ty phải thanh toán tiền lương cho người lao động thì Công ty sẽ thực hiện, tiền lương sẽ được chi trả cho những người có đơn kiện và những người không có đơn kiện đã làm việc tại Công ty trong vụ 2017-2018”. Hội đồng xét xử xét thấy, Thông báo số 37/TB-ĐST/2020 ngày 10/9/2020 do Công ty cổ phần mía đường S ban hành, thể hiện ý chí của Công ty và được niêm yết công khai tại Công ty cho toàn thể người lao động biết. Nội dung văn bản thể hiện “nếu phán quyết của Tòa buộc Công ty phải thanh toán tiền lương cho người lao động thì Công ty sẽ thực hiện, tiền lương sẽ được chi trả cho những người có đơn kiện và những người không có đơn kiện đã làm việc tại Công ty trong vụ 2017-2018” nên được xem là bên có nghĩa vụ Công ty cổ phần mía đường S thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận, tính đến nay thì tất cả 11 vụ kiện của người lao động khởi kiện Công ty theo Thông báo số 37/TB-ĐST/2020 ngày 10/9/2020 đều đã được xét xử xong và tất cả các bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Vào thời điểm các nguyên đơn khởi kiện, có bản án gần nhất (trong số 11 vụ kiện nói trên) là Bản án số 06/2024/LĐ-PT ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S có hiệu lực pháp luật. Vì vậy thời hiệu được bắt đầu lại kể từ ngày 26/8/2024 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngày 17/7/2024, các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu quy định

tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

### **Về nội dung:**

[5]. Theo các tình tiết, sự kiện đã được các bên thống nhất và không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định: Vụ sản xuất năm 2016-2017, Công ty còn thừa quỹ lương 715.002.892 đồng. Vụ mùa năm 2017-2018, Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho và đơn giá tiền lương mỗi tấn là 800.000 đồng nên Quỹ lương trích trong vụ này là 36.430.760.000 đồng (45.538,45 tấn x 800.000 đồng/tấn). Trong vụ mùa năm 2017-2018, Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động hết 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng nên còn lại 9.619.591.775 đồng (trong đó có quỹ lương năm 2016 -2017 chuyển sang là 715.002.892 đồng). Công ty thừa nhận do quỹ lương của vụ 2018-2019 không đủ chi lương cho người lao động, nên Hội đồng quản trị ban Hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT/2019 ngày 15/5/2019 sử dụng số tiền 9.619.591.775 đồng nêu trên để bổ sung vào quỹ lương vụ 2018-2019 và đã được Công ty chi hết trong vụ 2018-2019.

[6]. Vụ sản xuất năm 2017-2018 có thời gian bắt đầu từ ngày 01/7/2017 và kết thúc ngày 30/6/2018. Trong thời gian này, Công ty có 02 văn bản để điều chỉnh quỹ tiền lương, tiền thưởng là Quyết định 161/QĐ-TGĐ.2009 ngày 31/8/2009 (Có hiệu lực kể từ tháng 10/2009) và Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 ngày 27/12/2017 về việc ban hành quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng (Có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2018). Xét thấy, để xác định quỹ lương còn thừa hay thiếu thì dựa vào kết quả quyết toán vào cuối vụ sản xuất, vụ sản xuất năm 2017 – 2018 có thời gian kết thúc vào ngày 30/6/2018 là thời điểm Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 có hiệu lực, nên căn cứ vào quy định tại Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 để chia quỹ lương thừa của vụ sản xuất 2017-2018 là phù hợp.

[7]. Mặt khác, Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT.2019 ngày 15/5/2019 được ban hành sau khi kết thúc vụ 2017-2018, nhưng lại điều chỉnh Quỹ tiền lương của vụ 2017-2018 đã kết thúc từ ngày 30/6/2018, trong khi theo Quy chế tiền lương thì Hội đồng quản trị chỉ sửa đổi, bổ sung các nội dung chưa phù hợp chứ không có điều khoản nào cho phép sử dụng quỹ lương của vụ này bổ sung cho quỹ lương của vụ khác. Cho nên Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT.2019 ngày 15/5/2019 trái với Quy chế tiền lương của Công ty.

[8]. Tại Điều 5 của Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016, phía Công ty và đại diện tập thể người lao động đã xác định “*Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên Hng năm thông qua). Tiền lương của người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng của công ty*” và theo quy định về xử lý thừa, thiếu quỹ lương tại khoản 3 Điều 10 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017 quy định “*Trường hợp thừa: Tổng Giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp*”.

[9]. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì quỹ tiền lương không thuộc doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và không thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

[10]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên có cơ sở xác định quỹ lương còn lại của vụ sản xuất năm 2017-2018 sẽ được thanh toán cho người lao động tham gia cho đến cuối vụ. Vì vậy, việc các nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ 2017-2018 số tiền 8.904.588.883 đồng là có căn cứ.

[11]. Về căn cứ để yêu cầu chia số tiền trên, các nguyên đơn căn cứ vào tổng quỹ tiền lương thừa là 8.904.588.883 đồng, tổng số tiền lương phải trả cho người lao động vào tháng 6/2018 là 1.547.373.212 đồng, Bảng thanh toán lương cho cán bộ, công nhân viên tháng 6/2018. Cách tính như sau: Tổng quỹ tiền lương thừa 8.904.588.883 đồng: (chia) cho tổng số tiền lương phải trả cho người lao động trong 01 tháng (Tháng 6/2018 là 1.547.373.212 đồng) sẽ ra số tháng lương của mỗi lao động được hưởng thêm là 5,75 tháng. Và số tiền công ty phải trả cho mỗi lao động là số tháng lương mỗi lao động được hưởng thêm là 5,75 tháng x (nhân) với tiền lương của mỗi lao động được hưởng vào thời điểm tháng 6 năm 2018. Xét thấy, theo Bảng lương tháng 6 năm 2018 có 327 người lao động, những người lao động này có mặt tại thời điểm kết thúc vụ sản xuất năm 2017 – 2018. Trong số 327 người lao động theo Bảng lương này, có người không tham gia bảo hiểm xã hội nhưng vẫn làm việc để tạo ra 45.538,45 tấn đường nhập kho của vụ 2017-2018, nên việc các nguyên đơn căn cứ vào mức lương, phụ cấp tại Bảng thanh toán lương cán bộ, công nhân viên tháng 6/2018 của Công ty để đảm bảo quyền lợi cho tất cả người lao động là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12]. Người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn đều xác định bà H làm việc được 9 tháng, ông Ch, ông C, ông C và ông Đ làm việc đủ 12 tháng và đều thừa nhận Bảng lương mà phía người lao động cung cấp là đúng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[13]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14]. Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.122.660 đồng (137.422.016 đồng x 3%) theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 190, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 187, Điều 188, khoản 1 Điều 190, Điều 220 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điểm b khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Tấn Ch, ông Phạm Vũ C, ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thái Ngọc H và ông Hồ Văn Đ. Buộc bị đơn Công ty cổ phần mía đường S phải thanh toán tiền lương theo sản phẩm của vụ sản xuất 2017-2018 còn lại chưa thanh toán cho:

- Ông Lê Tấn Ch 24.249.078 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi `Cn nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng);
- Ông Phạm Vũ C 23.672.750 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng);
- Ông Bùi Văn C 28.692.500 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm Cn mươi hai nghìn, năm trăm đồng);
- Bà Nguyễn Thái Ngọc H 17.797.688 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm Cn mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng).
- Ông Hồ Văn Đ 43.010.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, không trăm lẻ mười nghìn đồng).

Tổng số tiền các nguyên đơn yêu cầu là 137.422.016 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, không trăm mười sáu đồng).

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần mía đường S phải chịu số tiền là 4.122.660 đồng (Bốn triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

**3.** Các nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Đối với bị đơn Công ty cổ phần mía đường S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án ngay khoản tiền mà bị đơn Công ty Cổ phần mía đường S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND kv5 – Cần Thơ;
- Phòng THADS kv5 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Trân**